

## **Chương V. PHẠM VI CUNG CẤP**

### **Mục 1. Phạm vi và tiến độ cung cấp thuốc**

#### **1.1. Phạm vi cung cấp thuốc**

- Theo Bảng Phạm vi cung cấp, tiến độ cung cấp và yêu cầu về kỹ thuật của thuốc ở Mẫu số 00, Chương IV - Biểu mẫu mời thầu và dự thầu.
- Phân nhóm kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế.
- Việc dự thầu của thuốc nước ngoài sản xuất gia công, chuyển giao công nghệ tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Khoản 8 Điều 11 Thông tư 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

#### **1.2. Tiến độ cung cấp**

Thuốc y tế được giao phải đầy đủ số lượng của E-HSMT, cung ứng đầy đủ và kịp thời số lượng hàng hóa trúng thầu theo nhu cầu sử dụng của bệnh viện và theo đúng các thông tin, tiêu chuẩn như đã cung cấp trong hồ sơ dự thầu.

Thuốc y tế phải được giao theo từng đơn hàng của bệnh viện trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu giao hàng của bệnh viện.

Nhà thầu phải giao hàng theo quy định trong các hợp đồng mua bán thuốc ký kết với bệnh viện.

Trong quá trình vận chuyển, giao, nhận, thuốc phải đảm bảo đúng các điều kiện bảo quản theo các nguyên tắc GSP và các quy định về quản lý các thuốc có yêu cầu đặc biệt (nếu có).

Nhà thầu phải đảm bảo cung cấp thuốc y tế theo thời hạn hợp đồng đã ký kết với bệnh viện và có thể được yêu cầu cung cấp thành một hoặc nhiều đợt khác nhau.

- Địa điểm cung cấp: Khoa Dược, Bệnh viện Từ Dũ
- Số nhà/số tầng/số phòng: 284
- Tên đường, phố: Cống Quỳnh, Phường Bến Thành
- Thành phố: Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: (028) 3952.6568- Nội bộ: 293

### **Mục 2. Yêu cầu về kỹ thuật**

#### **2.1. Giới thiệu chung về gói thầu**

- Tên gói thầu: Thuốc biệt dược gốc
- Dự toán mua sắm: Mua sắm lần 05 thuộc kế hoạch Mua sắm thuốc năm 2025.
- Tên chủ đầu tư: Bệnh viện Từ Dũ.
- Nội dung cung cấp chủ yếu: Theo Bảng Phạm vi cung cấp, tiến độ cung cấp và yêu cầu về kỹ thuật của thuốc ở Mẫu số 00, Chương IV - Biểu mẫu mời thầu và dự thầu, phân nhóm kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế.
- Giá gói thầu: 56.719.517.109 đồng.

- Tổng số mặt hàng: 39 mặt hàng.
- Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Từ Dũ, số 284, Công Quỳnh, Phường Bến Thành, TP. HCM.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

## **2.2. Yêu cầu về kỹ thuật**

- Thuốc dự thầu phải có thông tin đúng như yêu cầu tại Mẫu số 00: Bảng phạm vi cung cấp, tiến độ cung cấp và yêu cầu về kỹ thuật của thuốc;
- Thuốc phải đạt tiêu chuẩn chất lượng đã được Bộ Y tế cho phép lưu hành.
- Thuốc dự thầu phải đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Mục 3 Chương III E-HSMT.
- Thông tin về tên mặt hàng thuốc tham dự thầu, số đăng ký lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu đối với thuốc chưa có số đăng ký do Cục Quản lý dược cấp và các thông tin khác có liên quan phải được Nhà thầu ghi đầy đủ theo quy định tại Mẫu số 00 và Mẫu số 05, Chương IV - Biểu mẫu mời thầu và dự thầu của E-HSMT này. Các thông tin phải phù hợp với thông tin về thuốc đã được cấp số đăng ký hoặc giấy phép nhập khẩu được Cục Quản lý dược công bố trên trang thông tin điện tử của Cục Quản lý dược (địa chỉ: <http://www.dav.gov.vn>).

## **2.3. Các yêu cầu khác**

2.3.1. Nhà thầu có thể sử dụng phần mềm hỗ trợ đính kèm theo E-HSMT tại chương V. Phạm vi cung cấp

2.3.2.

- Nhà thầu phải tự chứng minh thuốc của mình thuộc đối tượng ưu đãi và chịu trách nhiệm về việc chứng minh của mình.
- Tùy từng trường hợp cụ thể, nhà thầu cung cấp thêm các tài liệu đặc thù khác để chứng minh chất lượng của sản phẩm khi có yêu cầu của Chủ đầu tư.

2.3.3. Nhà thầu phải thực hiện cam kết theo mẫu cam kết sau:

### **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

#### **BẢN CAM KẾT<sup>(1)</sup>**

**Kính gửi: Bệnh viện Từ Dũ**

Sau khi nghiên cứu E-HSMT của gói thầu: *[ghi tên gói thầu]* do Bệnh viện Từ Dũ làm Chủ đầu tư.

Chúng tôi, *[ghi tên nhà thầu]*, cam kết các nội dung như sau:

1. Hạch toán tài chính độc lập.



2. Độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với các bên sau đây: Chủ đầu tư, thẩm định E-HSMT; đánh giá E-HSDT; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.

3. Không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

4. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế đối với nhà nước đến hết năm tài chính 2024.

5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp lệ và hợp pháp của tất cả các tài liệu cung cấp trong E-HSDT.

6. Đảm bảo đáp ứng về yêu cầu về phạm vi cung cấp và tiến độ cung cấp:

+ Thuốc y tế được giao phải đầy đủ số lượng của E-HSMT, cung ứng đầy đủ và kịp thời số lượng hàng hóa trúng thầu theo nhu cầu sử dụng của Bệnh viện Từ Dũ và theo đúng các thông tin, tiêu chuẩn như đã cung cấp trong hồ sơ dự thầu.

+ Thuốc y tế phải được giao theo từng đơn hàng của Bệnh viện Từ Dũ trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu giao hàng của bệnh viện.

+ Nhà thầu phải giao hàng theo quy định trong các hợp đồng mua bán thuốc ký kết với Bệnh viện Từ Dũ.

+ Nhà thầu phải đảm bảo cung cấp thuốc y tế theo thời hạn hợp đồng đã ký kết với Bệnh viện Từ Dũ và có thể được yêu cầu cung cấp thành một hoặc nhiều đợt khác nhau.

7. Đảm bảo đáp ứng về yêu cầu bảo hành: Thu hồi và đổi trả nếu hàng hóa bị lỗi do nhà sản xuất và lỗi do quá trình vận chuyển đến kho của bệnh viện hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Chủ đầu tư.

8. Hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính đến thời điểm thuốc cung ứng cho Bệnh viện Từ Dũ phải bảo đảm tối thiểu 03 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 01 năm trở lên; 1/4 hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm. Trong trường hợp hạn sử dụng của thuốc không đáp ứng yêu cầu nêu trên, để bảo đảm có thuốc phục vụ nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh, căn cứ tình hình thực tế, Chủ đầu tư quyết định hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính đến thời điểm thuốc cung ứng cho cơ sở y tế và không được yêu cầu cao hơn quy định nêu trên nhưng phải đảm bảo còn hạn sử dụng khi sử dụng thuốc cho bệnh nhân.

9. Trong trường hợp mặt hàng thuốc tham dự thầu có giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu hết hạn hiệu lực trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu cam kết đảm bảo cung ứng thuốc đúng số lượng theo yêu cầu của E-HSMT và thuốc cung ứng được sản xuất hoặc nhập khẩu trước thời điểm giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu hết hiệu lực<sup>(2)</sup>.

10. Trong trường hợp giấy phép GMP của mặt hàng thuốc tham dự thầu hết hiệu lực trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu cam kết đảm bảo cung ứng thuốc đúng số lượng theo yêu cầu của E-HSMT và thuốc cung ứng được sản xuất trước thời điểm giấy phép GMP hết hiệu lực<sup>(2)</sup>.

11. Trường hợp nhà thầu có nộp hồ sơ, tài liệu chứng minh thuốc dự thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi, nhà thầu cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về các số liệu đã kê khai đúng, đầy đủ, hợp lý để được hưởng ưu đãi.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trên.

## **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU**

[ký tên và đóng dấu]

**Ghi chú:** <sup>(1)</sup> Mẫu này scan đính kèm trong E-HSDT.

<sup>(2)</sup> Đối với mục cam kết số 9,10, trường hợp nhà thầu không có SĐK hoặc GMP hết hiệu lực thì không cần cam kết mục này.

### **Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm**

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: sẽ quy định chi tiết trong Biên bản hoàn thiện hợp đồng.



**BẢNG PHẠM VI CUNG CẤP, TIỀN ĐỘ CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT CỦA THUỐC**  
**Gói thầu thuốc biệt dược gốc**

STT	Mã phần (Lô)	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Tên thuốc hoặc tương đương	Nồng độ/ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Tiền độ cung cấp	Tiền độ cung cấp (Trong 03 tháng)
1			Isoleucine ; Leucine ; Lysine (dưới dạng lysine HCl) ; Methionine ; Phenylalanine ; Threonine ; Tryptophan ; Valine ; Arginine ; Histidine ; Alanine; Glycine ; Aspartic acid ; Glutamic acid ; Proline ; Serine ; Tyrosine ; Sodium acetate trihydrate ; Sodium hydroxide ; Potassium acetate ; Magnesium chloride hexahydrate ; Disodium phosphate dodecahydrate .	Aminoplasma B. Braun 10% E hoặc tương đương	10% E (Mỗi 250ml chứa: 1,25g + 2,225g + 1,7125g + 1,10g + 1,175g + 1,05g + 0,40g + 1,55g; 2,875g + 0,75g + 2,625g + 3,00g + 1,40g + 1,80g + 1,375g + 0,575g + 0,10g + 0,7145g + 0,09g + 0,61325g + 0,127g + 0,89325g ); 250ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai	50	108.865	Theo quy định tại Chương V	13
2			L-Isoleucine + L-Leucine + L-Lysine acetate + L-Methionine + L-Phenylalanine + L-Threonine + L-Tryptophan + L-Valine, L-Alanine + L-Arginine + L-Aspartic acid + L-Histidine + L-Proline + L-Serine + L-Tyrosine + Glycine	Morhepamin hoặc tương đương	7,58%, 200ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Túi	5	116.633	Theo quy định tại Chương V	2
3	PP2500500102	12510400000034	Amiodarone hydrochloride	Cordarone 150mg/3ml hoặc tương đương	150mg/3ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Ống	48	30.048	Theo quy định tại Chương V	12
4	PP2500500103	12510200000047	Atosiban Acetate	Tractocile hoặc tương đương	7,5mg/ml Atosiban, 5ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Lọ	580	2.164.858	Theo quy định tại Chương V	145
5	PP2500500104	12510700000059	Bevacizumab	Avastin hoặc tương đương	100mg/4ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/ Ống	150	6.794.409	Theo quy định tại Chương V	38
6	PP2500500105	12510500000062	Bevacizumab	Avastin hoặc tương đương	400mg/16ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/ Ống	150	24.818.325	Theo quy định tại Chương V	38
7	PP2500500106	12510700000073	Budesonid + Formoterol fumarat dihydrat	Symbicort Turbuhaler hoặc tương đương	(160mcg + 4,5mcg)/tiêu; 60 liều	Hô Hấp	Thuốc hít định liều/phun mù định liều	Bình/chai/lọ	40	219.000	Theo quy định tại Chương V	10
8	PP2500500107	12510200000085	Ciprofloxacin	Ciprobay 200 hoặc tương đương	200mg	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/ Ống	155	194.176	Theo quy định tại Chương V	39
9	PP2500500108	12510000000098	Ertapenem (dưới dạng Ertapenem natri)	Invanz hoặc tương đương	1g	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Lọ	880	552.421	Theo quy định tại Chương V	220





STT	Mã phần (Lô)	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Tên thuốc hoặc tương đương	Nồng độ/ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Tiến độ cung cấp	Tiến độ cung cấp (Trong 03 tháng)
18			Isoleucine; Leucine ; Lysine (dưới dạng lysine HCl) ; Methionine; Phenylalanine; Threonine ; Tryptophan; Valine; Arginine; Histidine ; Alanine; Glycine; Aspartic acid; Glutamic acid; Proline; Serine; Tyrosine; Sodium acetate trihydrate; Sodium hydroxide ; Potassium acetate; Sodium chloride ; Magnesium chloride hexahydrate; Disodium phosphate dodecahydrate.	Aminoplasmal B.Braun 5%E hoặc tương đương	5% (Mỗi 250ml chứa: 0,625g+ 1,1125g + 0,8575g+ 0,55g+ 0,5875g+ 0,525g+ 0,20g+ 0,775g+1,4375g+ 0,375g+ 1,3125g+ 1,50g+ 0,70g+ 0,90g+ 0,6875g+ 0,2875g+ 0,10g+ 0,34025g+ 0,035g+ 0,61325g+ 0,241g+ 0,127g+ 0,89525g.). 500ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai	200	125.460	Theo quy định tại Chương V	50
19	PP2500500118	12510300000198	Lidocain + Prilocain	Emila hoặc tương đương	(25mg + 25mg)/ 1g; 5g	Dùng Ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	50	44.545	Theo quy định tại Chương V	13
20	PP2500500119	12510500000208	Lidocain hydroclorid	Xylocaine Jelly hoặc tương đương	2%; 30g	Dùng Ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	470	66.720	Theo quy định tại Chương V	118
21			Medium-chain Triglycerides 10,0g/100ml; Soya-bean Oil 10,0g/100ml	Lipofundin MCT/LCT 20% hoặc tương đương	20%; 250ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai	40	176.000	Theo quy định tại Chương V	10
22	PP2500500121	12510200000221	Medium-chain Triglycerides; Soya-bean Oil	Lipofundin MCT/LCT 10% hoặc tương đương	5g/100ml; 5g/100ml; 250ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/ Ống	10	145.000	Theo quy định tại Chương V	3
23	PP2500500122	12510100000231	Meropenem	Meropenem hoặc tương đương	1g	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/ Ống	4.680	549.947	Theo quy định tại Chương V	1.170
24	PP2500500123	12510700000240	Meropenem	Meropenem hoặc tương đương	500mg	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/ Ống	3.250	317.747	Theo quy định tại Chương V	813
25	PP2500500124	12510200000252	Methylprednisolon (dưới dạng Methylprednisolon natri succinat)	Solu-Medrol hoặc tương đương	40mg	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm đóng khô	Chai/Lọ/ Ống	2.500	41.871	Theo quy định tại Chương V	625
26	PP2500500125	12510400000263	Metoprolol succinat	Betaloc Zok 25mg hoặc tương đương	23,75 mg Metoprolol succinate tương đương với 25mg Metoprolol tartrate	Uống	Viên	Viên	210	4.389	Theo quy định tại Chương V	53
27	PP2500500126	12510200000276	Metoprolol succinat	Betaloc Zok 50mg hoặc tương đương	47,5 mg metoprolol succinate tương đương với 50mg metoprolol tartrate	Uống	Viên	Viên	84	5.490	Theo quy định tại Chương V	21
28	PP2500500127	12510200000283	Paclitaxel	Anzatax 100mg/16,7ml hoặc tương đương	100mg/16,7ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/ Ống	1.300	2.447.550	Theo quy định tại Chương V	325

STT	Mã phân (Lô)	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Tên thuốc hoặc tương đương	Nồng độ/ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Tiền độ cung cấp	Tiền độ cung cấp (Trong 03 tháng)
29	PP2500500128	1251040000294	Paclitaxel	Anzatax 30mg/5ml hoặc tương đương	30mg/5ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/L.ø/ Ống	1.040	754.110	Theo quy định tại Chương V	260
30	PP2500500129	1251080000308	Phospholipid chiết xuất từ phổi lợn	Curosurf hoặc tương đương	120mg/1,5ml	Nội Khí Quản	Hỗn dịch dùng đường nội khí quản	Lọ	1.420	13.990.000	Theo quy định tại Chương V	355
31	PP2500500130	1251030000310	Piperacillin (dưới dạng Piperacillin natri) 4g; Tazobactam (dưới dạng Tazobactam natri) 0,5g	Tazocin hoặc tương đương	4g + 0,5g	Tiêm	Thuốc tiêm đóng khô	Lọ	86.500	223.700	Theo quy định tại Chương V	21.625
32	PP2500500131	1251020000320	Propofol	Diprivan hoặc tương đương	1% (10mg/ml); 20ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Ống	4.450	118.168	Theo quy định tại Chương V	1.113
33	PP2500500132	1251020000337	Propofol	Diprivan hoặc tương đương	1% (10mg/ml); 50ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Bơm tiêm	180	375.000	Theo quy định tại Chương V	45
34	PP2500500133	1251040000348	Ropivacain HCl (dưới dạng Ropivacain HCl monohydrat)	Anaropin hoặc tương đương	5mg/ml; 10ml	Tiêm	Dung dịch tiêm nội tủy mạc (dưới màng nhện)	Ống	5.400	113.400	Theo quy định tại Chương V	1.350
35	PP2500500134	1251080000353	Ropivacain hydroclorid	Anaropin hoặc tương đương	2mg/ml; 20ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	L.ø/ống/ chai/túi	3.600	75.600	Theo quy định tại Chương V	900
36	PP2500500135	1251010000361	Salbutamol + Ipratropium bromid	Combivent hoặc tương đương	(2,5mg + 0,5mg)/2,5ml; 2,5ml	Hô Hấp	Dung dịch/hỗn dịch khí dung	Chai/L.ø/ Ống	100	16.074	Theo quy định tại Chương V	25
37	PP2500500136	1251000000371	Sevoflurane	Sevorane hoặc tương đương	100% w/w; 250ml	Đường Hô Hấp	Dược chất lỏng nguyên chất dùng để hít	Chai	300	3.578.500	Theo quy định tại Chương V	75
38	PP2500500137	1251000000388	Sildenafil (dưới dạng Sildenafil citrat)	Viagra hoặc tương đương	50mg	Uống	Viên	Viên	70	116.640	Theo quy định tại Chương V	18
39	PP2500500138	1251020000399	Tigecyclin	Tygecil hoặc tương đương	50mg	Tiêm	Thuốc tiêm đóng khô	Lọ	300	731.000	Theo quy định tại Chương V	75



## LƯU Ý CHUẨN BỊ E-HSDT CHO NHÀ THẦU

Bệnh viện Từ Dũ lưu ý các nhà thầu một số nội dung để chuẩn bị E-HSDT tham dự Gói thầu thuốc biệt dược gốc như sau:

1. Nhà thầu đính kèm E-HSDT File dữ liệu dự thầu xuất từ phần mềm **Hỗ trợ chuẩn bị E-HSDT** đã đính kèm tại Chương V E-HSMT theo hướng dẫn của phần mềm.

2. Để hỗ trợ Tổ chuyên gia đánh giá E-HSDT chính xác đề nghị nhà thầu sắp xếp các file tài liệu đính kèm E-HSDT thành các nhóm nội dung như sau:

- Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của nhà thầu
- Tài liệu chứng minh năng lực kinh nghiệm
- Tài liệu chứng minh yêu cầu kỹ thuật của thuốc dự thầu: mỗi thuốc dự thầu là 1 file và đặt tên file theo tên thuốc dự thầu

3. Đối với tài liệu chứng minh yêu cầu kỹ thuật (như Quyết định cấp SDK, Quyết định gia hạn hiệu lực SDK...), nếu trên file tài liệu có thông tin của nhiều thuốc khác nhau, Nhà thầu sử dụng công cụ đánh dấu (highlight) các nội dung trên file tài liệu liên quan đến thuốc dự thầu để thuận tiện tra cứu.

Mọi thắc mắc trong quá trình chuẩn bị E-HSDT nhà thầu có thể liên hệ Phòng Hành chính Quản trị (Tổ Đầu thầu) – Bệnh viện Từ Dũ để được hỗ trợ theo địa chỉ sau:

- Số điện thoại: (028) 3952.6568-680